TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH ĐẮK LẮK**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 299/2026/DS-PT
Ngày: 27-5-2026
"Tranh chấp chia di sản thừa kế"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK LẮK

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Y Phi Kbuôr;

Các Thẩm phán: Ông Trần Minh Quang và bà Nguyễn Thị My My.

- Thư ký phiên tòa: Bà Đinh Thị Tân – Thẩm tra viên Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk tham gia phiên tòa: Ông Phan Văn Công – Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 5 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk mở phiên tòa xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 102/2026/TLPT-DS ngày 19 tháng 3 năm 2026 về *" Tranh chấp chia di sản thừa kế "*.

Do bản án dân sự số: 41/2025/DS-ST ngày 29/12/2025 của Tòa án nhân dân Khu vực 13 - Đắk Lắk bị kháng cáo theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 226/2026/QĐXXPT-DS ngày 20 tháng 4 năm 2026, giữa các đương sự:

-Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1963;
Địa chỉ: Thôn P, phường P, tỉnh Đắk Lắk; Có mặt.

- Bị đơn: Bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1950;
Địa chỉ: Khu phố P, phường P, tỉnh Đắk Lắk; Có mặt.

Đại diện theo ủy quyền của bị đơn: Ông Trần Quốc T, sinh năm 1990; Địa chỉ: Khu phố P, phường P, tỉnh Đắk Lắk; Có mặt.

- Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:
1. Bà Nguyễn Thị C, sinh năm 1953; Có mặt.
2. Ông Phạm Việt C1, sinh năm 1979; Có mặt.
3. Ông Phạm Quốc T1, sinh năm 1982; Vắng mặt.
5. Ông Đặng Văn M, sinh năm 1968; Vắng mặt.
Cùng địa chỉ: Thôn P, xã T, tỉnh Đắk Lắk.
4. Bà Phạm Thị D, sinh năm 1988. Địa chỉ: Thôn N, xã B, tỉnh Khánh Hòa; Vắng mặt.

- Người kháng cáo: Bị đơn bà Nguyễn Thị L.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện và quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn bà Nguyễn Thị H trình bày:

Cha mẹ bà là ông Nguyễn Q (mất năm 2008) và bà Đặng Thị Ư (mất khoảng năm 1980), ông Q bà Ư sinh được 5 người con chung là ông Nguyễn T2 (liệt sĩ, mất năm 1971 không có vợ con), bà Nguyễn Thị L; bà Nguyễn Thị C; bà Nguyễn Thị H1 (mất năm 2001), bà H1 có 3 người con là Phạm Việt C1, Phạm Quốc T1, Phạm Thị D và bà Nguyễn Thị H là con út, ông bà mất đều không để lại di chúc.

Khi còn sống cha mẹ bà có tạo lập được một ngôi nhà cấp 4 trên diện tích đất vườn ở là 1400m^2 thuộc thửa đất số số 621 tờ bản đồ 374C tọa lạc tại thôn P, xã T, tỉnh Đắk Lắk và sinh sống tại đây, hiện trạng thửa đất hiện nay chỉ còn 581m^2 là do khi còn sống ông Q đã cắt chuyển nhượng một phần quyền sử dụng đất cho người khác. Đến năm 2007, được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AG 785148; ngoài ra cụ Q còn được cân đối giao diện tích đất nông nghiệp 148m^2 cân đối cho 01 khẩu tại thửa số 871 tờ bản đồ 374C tọa lạc đều tại thôn P, xã T, tỉnh Đắk Lắk. Sau khi ông Q mất thì các chị em không ai ở sinh sống trong ngôi nhà này mà chỉ đóng cửa, thỉnh thoảng mới đi về cúng giỗ cha mẹ.

Nay nguyên đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án chia thừa kế theo pháp luật đối với toàn bộ diện tích đất nêu trên và yêu cầu được nhận một phần đất và thanh toán giá trị cho các đồng thừa kế còn lại.

- *Bị đơn bà Nguyễn Thị L trình bày*:

Bà L thừa nhận cha mẹ chết đều không để lại di chúc như nguyên đơn trình bày. Tuy nhiên vào năm 2013 các chị em có họp mặt thỏa thuận phân chia thừa kế, giao diện tích đất vườn ở và nhà cửa cha mẹ để lại cho bà L được quyền sử dụng, có lập văn bản thỏa thuận và được UBND xã H chứng thực ngày 21/10/2013 nên bà không đồng ý phân chia thừa kế. Trường hợp Tòa án giải quyết chia thừa kế theo pháp luật thì bà đồng ý nhận một phần đất để thờ cúng nhưng không đồng ý thanh toán lại giá trị vì bà không có tiền.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị C trình bày*:

Thống nhất với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là bà H, đồng ý yêu cầu chia thừa kế theo pháp luật đối với di sản cha mẹ để lại.

- *Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Phạm Việt C1 trình bày*:

Thống nhất yêu cầu chia thừa kế như nguyên đơn trình bày nhưng yêu cầu được nhận một phần đất và đồng ý thanh toán giá trị cho những người được hưởng thừa kế khác. Đối với bản thỏa thuận phân chia thừa kế năm 2013 thì ông không đồng ý vì ông là con bà H1 cũng có quyền lợi nhưng bà L không mời họp mặt ký thỏa thuận là xâm phạm quyền lợi của ông.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Phạm Quốc T1 và bà Phạm Thị D:*

Đồng ý với ý kiến của anh ruột là ông C1 và đều có đơn xin không nhận di sản mà tự nguyện để lại phần di sản của mình được hưởng cho ông C1.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số: 41/2025/DS-ST ngày 29/12/2025 của Tòa án nhân dân khu vực 13 - Đắk Lắk đã quyết định:

Căn cứ các Điều 609, 610, 612, 649, 650, 651, 652, 660, 688 Bộ luật Dân sự.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị H

Chia thừa kế theo pháp luật đối với di sản là quyền sử dụng đất ông Nguyễn Q để lại gồm diện tích 200m^2 đất ở, 381,8m^2 đất vườn và 148m^2 đất lúa có tổng giá trị là 694.560.000 đồng chia thành 4 phần di sản bằng nhau, mỗi phần di sản trị giá là 173.640.000 đồng cho bà Nguyễn Thị L, bà Nguyễn Thị C, bà Nguyễn Thị H và ông Phạm Việt C1 (thừa kế thế vị của bà Nguyễn Thị H1).

- Giao cho bà Nguyễn Thị H được nhận sử dụng phần diện tích đất 244,8m^2 phía Đông của thửa đất số thửa 621 tờ bản đồ 374C tại thôn P, xã T, tỉnh Đắk Lắk, trong đó có diện tích 100m^2 đất ở, 144,8m^2 đất HNK, có vị trí: Phía Đông giáp Ngô Quang T3, phía Tây giáp đất giao cho ông Phạm Việt C1, phía Nam giáp đường bê tông, phía Bắc giáp ruộng và 01 giếng đào trên đất có tổng giá trị là 297.200.000 đồng. Buộc bà Nguyễn Thị H có nghĩa vụ thanh toán cho bà Nguyễn Thị L số tiền 123.560.000 đồng.

- Giao cho ông Phạm Việt C1 được nhận sử dụng phần diện tích đất 337m^2 phía Tây của thửa đất số thửa 621 tờ bản đồ 374C tại thôn P, xã T, tỉnh Đắk Lắk, trong đó có 100m^2 đất ở, 237m^2 đất HNK, có vị trí: Phía Đông giáp thửa đất giao cho bà Nguyễn Thị H, phía Tây giáp Võ Văn G, phía Nam giáp đường bê tông, phía Bắc giáp ruộng có giá trị 387.000.000 đồng, trên đất có một ngôi nhà cũ không còn giá trị sử dụng. Buộc ông Phạm Việt C1 có nghĩa vụ thanh toán cho bà Nguyễn Thị C số tiền 173.640.000 đồng, thanh toán cho bà Nguyễn Thị L số tiền 39.720.000 đồng.

- Giao bà Nguyễn Thị L được nhận sử dụng diện tích 148m^2 đất ruộng thửa 871 tờ bản đồ 374C tại thôn P, xã T, tỉnh Đắk Lắk có vị trí phía Bắc giáp ruộng Đặng Văn M, phía Nam giáp ruộng ông Â, phía Tây giáp ruộng ông Năm M1, Đông giáp ruộng ông Hồ Văn T4 có giá trị 10.360.000 đồng *(Hiện trạng các thửa đất có bản vẽ trích đo kèm theo).*

Bà H, bà L và ông C1 có trách nhiệm liên hệ cơ quan có thẩm quyền để làm các thủ tục đăng ký quyền sử dụng đất theo bản án này. Bà Nguyễn Thị L phải có nghĩa vụ phối hợp cung cấp các giấy tờ liên quan đến quyền sử dụng đất theo quy định.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

- Về chi phí tố tụng: Căn cứ Điều 157, 165, 161 Bộ luật Tố tụng dân sự. Bà Nguyễn Thị L, bà Nguyễn Thị C, bà Nguyễn Thị H, ông Phạm Việt C1 mỗi người phải chịu 4.250.000 đồng chi phí tố tụng. Ông Phạm Việt C1 phải thanh toán lại cho bà Nguyễn Thị H 2.750.000 đồng. Bà Nguyễn Thị L và bà Nguyễn Thị C mỗi người phải thanh toán lại cho bà Nguyễn Thị H 4.250.000 đồng.

- Về án phí: Căn cứ Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Q1. Bà Nguyễn Thị L, bà Nguyễn Thị C, bà Nguyễn Thị H, ông Phạm Việt C1 mỗi người phải chịu 8.682.000 đồng án phí DSST. Bà Nguyễn Thị H được trừ 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai thu tạm ứng án phí, lê phí Tòa án số 0012054 ngày 13/6/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tây Hòa, tỉnh Phú Yên, nay là Phòng Thi hành án dân sự khu vực 13 – Đắk Lắk, còn phải nộp 8.382.000 đồng.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên quyền kháng cáo của các đương sự.

**Sau khi có bản án sơ thẩm:*

Ngày 12/01/2026, bị đơn bà Nguyễn Thị L kháng toàn bộ bản án dân sự sơ thẩm.

* *Tại phiên tòa phúc thẩm:*

Tại phiên tòa phúc thẩm nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, bị đơn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo và các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk phát biểu: Về thủ tục tố tụng, Thẩm phán và Hội đồng xét xử phúc thẩm cũng như các đương sự đã tuân thủ đầy đủ và thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm căn cứ Điều 300, khoản 2 Điều 308, Điều 309 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Chấp nhận kháng cáo của bị đơn bà Nguyễn Thị L, sửa một phần bản án dân sự sơ thẩm số 41/2025/DS-ST ngày 29/12/2025 của Toà án nhân dân khu vực 13 - Đắk Lắk theo hướng ghi nhận sự thỏa thuận của các đương sự tại phiên tòa, đồng thời đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm xem xét miễn án phí dân sự sơ thẩm cho các đương sự theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu tài liệu chứng cứ có tại hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến các bên đương sự, Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Bị đơn kháng cáo trong thời hạn luật định và có nộp tiền tạm ứng án phí nên được xem xét giải quyết theo thủ tục phúc thẩm.

[2] Xét nội dung kháng cáo của bị đơn bà Nguyễn Thị L, Hội đồng xét xử phúc thẩm xét thấy: Ông Nguyễn Q và bà Đặng Thị Ư chết đều không để lại di chúc. Ông bà có sinh

được 5 người con gồm: ông Nguyễn T2 (Liệt sĩ mất năm 1971 không có vợ con), bà L, bà C, bà H1 (mất năm 2001, có 3 người con là C1, T1, D) và bà H. Ông Q, bà Ư để lại một ngôi nhà cấp 4 (ngôi nhà đã bị hư hỏng không có giá trị sử dụng) trên diện tích đất vườn ở là 1400m^2 thuộc thửa đất số số 621 tờ bản đồ 374C, nhưng hiện trạng đến nay chỉ còn 581m^2 (do khi còn sống ông Q đã chuyển nhượng một phần diện tích đất cho người khác) và được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AG 785148 và diện tích đất nông nghiệp 148m^2 (loại đất trồng lúa) tại thửa số 871 tờ bản đồ 374C tọa lạc đều tại thôn P, xã T, tỉnh Đắk Lắk.

Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn bà Nguyễn Thị H và bị đơn bà Nguyễn Thị L đã thỏa thuận được với nhau, cụ thể bà L nhận phần đất được chia cho bà H ở phía Đông có diện tích đất 244,8m^2 tại thửa đất số thửa 621 tờ bản đồ 374C tại thôn P, xã T, tỉnh Đắk Lắk và bà L có trách nhiệm thanh toán tiền cho bà H số tiền 123.560.000 đồng, đối với phần đất chia cho ông C1 thì được giữ nguyên và có trách nhiệm thanh toán lại giá trị cho các đồng thừa kế.

Xét thấy sự thỏa thuận của bà L và bà H cũng như các đương sự trong vụ án là tự nguyện và phù hợp với quy định của pháp luật, đồng thời không ảnh hưởng đến người khác nên cần chấp nhận sự thỏa thuận của các đương sự nêu trên.

Do đó hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị đơn bà L sửa bản án sơ thẩm số 41/2025/DS-ST ngày 29/12/2025 của Tòa án nhân dân khu vực 13- Đắk Lắk.

[3] Về án phí: Áp dụng Điều 12, Điều 13 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội về án phí, lệ phí Tòa án. Xét thấy, bà L, bà H, bà C đến nay đã trên 60 tuổi (chỉ có ông C1 là dưới 60 tuổi), là gia đình liệt sĩ, đồng thời đang sinh sống vùng kinh tế xã hội khó khăn, thường xuyên bị thiên tai lũ lụt gây thiệt hại rất nghiêm trọng (có đơn xin miễn, giảm án phí) nên phải miễn toàn bộ án phí dân sự cho bà L, bà H bà C và giảm 50% cho ông C1.

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ Điều 300, khoản 2 Điều 308, Điều 309 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

- Chấp nhận kháng cáo của bị đơn bà Nguyễn Thị L và ghi nhận sự thỏa thuận của các đương sự tại phiên tòa phúc thẩm.

- Sửa bản án dân sự sơ thẩm số 41/2025/DS-ST ngày 29/12/2025 của Toà án nhân dân khu vực 13 - Đắk Lắk.

- Căn cứ các Điều 609, 610, 612, 649, 650, 651, 652, 660, 688 Bộ luật Dân sự.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị H.

[1]. Chia thừa kế theo pháp luật đối với di sản là quyền sử dụng đất của ông Nguyễn Q để lại gồm 200m^2 đất ở, 381,8m^2 đất vườn và 148m^2 đất trồng lúa có tổng giá trị là 694.560.000 đồng *(Sáu trăm chín mươi bốn triệu năm trăm sáu mươi nghìn đồng)* chia thành 4 phần di sản bằng nhau, mỗi phần di sản trị giá là 173.640.000 đồng *(Một trăm bảy mươi ba triệu sáu trăm bốn mươi nghìn đồng)* cho bà Nguyễn Thị L, bà Nguyễn Thị C, bà Nguyễn Thị H và ông Phạm Việt C1 (thừa kế thế vị của bà Nguyễn Thị H1).

[1.1]. Giao bà Nguyễn Thị L được nhận sử dụng phần diện tích đất 244,8m^2 phía Đông của thửa số 621 tờ bản đồ 374C tại thôn P, xã T, tỉnh Đắk Lắk, trong đó có 100m^2 đất ở, 144,8m^2 đất HNK, có vị trí: Đông giáp Ngô Quang T3, Tây giáp đất giao cho ông Phạm Việt C1, Nam giáp đường bê tông, Bắc giáp ruộng và 01 giếng đào trên đất có tổng giá trị 297.200.000 đồng *(Hai trăm chín mươi bảy triệu hai trăm nghìn đồng).*

Buộc bà Nguyễn Thị L có nghĩa vụ thanh toán cho bà Nguyễn Thị H số tiền 123.560.000 đồng *(Một trăm hai mươi ba triệu năm trăm sáu mươi nghìn đồng).*

[1.2] Giao ông Phạm Việt C1 được nhận sử dụng phần diện tích đất 337m^2 phía Tây của thửa đất số thửa 621 tờ bản đồ 374C tại thôn P, xã T, tỉnh Đắk Lắk, trong đó có 100m^2 đất ở, 237m^2 đất HNK, có vị trí: Đông giáp thửa đất giao cho bà Nguyễn Thị L, Tây giáp Võ Văn G, Nam giáp đường bê tông, Bắc giáp ruộng có giá trị 387.000.000 đồng *(Ba trăm tám mươi bảy triệu đồng)*, trên đất có một ngôi nhà cũ không còn giá trị sử dụng.

Buộc ông Phạm Việt C1 có nghĩa vụ thanh toán cho bà Nguyễn Thị C 173.640.000 đồng *(Một trăm bảy mươi ba triệu sáu trăm bốn mươi nghìn đồng)*, thanh toán cho bà Nguyễn Thị H số tiền 39.720.000 đồng *(Ba mươi chín triệu bảy trăm hai mươi nghìn đồng)*.

[1.3]. Giao bà Nguyễn Thị L được nhận sử dụng diện tích 148m^2 đất ruộng thửa 871 tờ bản đồ 374C tại thôn P, xã T, tỉnh Đắk Lắk có vị trí Bắc giáp ruộng Đặng Văn M, Nam giáp ruộng ông Â, Tây giáp ruộng ông Năm M1, Đông giáp ruộng ông Hồ Văn T4 có giá trị 10.360.000 đồng *(Mười triệu ba trăm sáu mươi nghìn đồng).*

(Hiện trạng các thửa đất có bản vẽ trích đo kèm theo).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

[1.4]. Bà L và ông C1 có trách nhiệm liên hệ cơ quan có thẩm quyền để làm các thủ tục đăng ký quyền sử dụng đất theo quy định pháp luật. Bà Nguyễn Thị L phải có nghĩa vụ phối hợp cung cấp các giấy tờ liên quan đến quyền sử dụng đất theo quy định.

[2]. Về chi phí tố tụng: Căn cứ Điều 157, 165, 161 Bộ luật Tố tụng dân sự. Bà Nguyễn Thị L, bà Nguyễn Thị C, bà Nguyễn Thị H, ông Phạm Việt C1 mỗi người phải chịu 4.250.000 đồng *(Bốn triệu hai trăm năm mươi nghìn đồng)* chi phí tố tụng. Ông Phạm Việt C1 phải thanh toán lại cho bà Nguyễn Thị H 2.750.000 đồng *(Hai triệu bảy trăm năm mươi nghìn đồng)*. Bà Nguyễn Thị L và bà Nguyễn Thị C mỗi người phải thanh toán lại cho bà Nguyễn Thị H 4.250.000 đồng *(Bốn triệu hai trăm năm mươi nghìn đồng)*.

[3]. Về án phí: Căn cứ Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Q1.

- Bà Nguyễn Thị L, bà Nguyễn Thị C, bà Nguyễn Thị H được miễn toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm.

- Ông Phạm Việt C1 được giảm ½ án phí, ông C1 còn phải nộp là 4.341.000 đồng *(Bốn triệu ba trăm bốn mươi mốt nghìn đồng)* án phí dân sự sơ thẩm.

- Hoàn trả cho bà Nguyễn Thị H 300.000 đồng *(Ba trăm nghìn đồng)*, vì đã nộp tạm ứng án phí tại biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0012054 ngày 13/6/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tây Hòa, tỉnh Phú Yên, nay là Phòng Thi hành án dân sự khu vực 13 – Đắk Lắk.

[4]. Về án phí: Bị đơn bà Nguyễn Thị L không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm, hoàn lại cho bà L số tiền 300.000 đồng *(Ba trăm nghìn đồng)* đã nộp tạm ứng án phí tại Biên lai số 0000680 ngày 19/01/2026 của Thi hành án dân sự tỉnh Đắk Lắk.

[5]. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- THADS tỉnh Đắk Lắk;
- TAND khu vực 13 - Đắk Lắk;
- Phòng THADS khu vực 13- Đắk Lắk
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Y Phi Kbuôr